

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 01 THÁNG 10 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						291 849	103 835	188 014			
I		<u>CẢNG CHÍNH</u>						<u>68 949</u>	<u>32 298</u>	<u>36 651</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						35 283	32 298	2 985			
1		DT TM DV	27/9	1215/09	30/9	BN 1336	CỤC XỎ 1C	1 020	1 008	12	01/10	TD	GIA HẠN L1
2		KDT MIỀN BẮC (NGHI THIẾT)	01/10	1274/9	07/10	STAR CITY	CÁM 5A.1	21 300	21 298	2	01/10	PTCB	GIA HẠN L1
3		KDT HÀ BẮC	30/9	1286/9	30/9	BN 1962	CÁM 5A.1	1 010	1 002	8	01/10	PTCB	
4		KDT MIỀN BẮC (KIM THÀNH)	01/10	1284/9	07/10	HD 3833	CÁM 1	2 200	2 198	2	01/10	TD	GIA HẠN L1
5		KDT MIỀN BẮC (KIM THÀNH)	01/10	1285/9	07/10	BN 2006	CÁM 1	1 000	995	5	01/10	TD	GIA HẠN L1
6		ĐẠM NINH BÌNH	01/10	1281/9	10/10	NB 6661	CÁM 4A.1	1 903	1 870	33	01/10		GIA HẠN L1 (HỘ LỚN) - Món: 1.869,40
7		VINACARBON	01/10	1295/10	07/10	BN 0869	CÁM 1	1 000	989	11	01/10	TD	
8		KDT MIỀN BẮC (NGHI THIẾT)	01/10	1291/9	07/10	TUẤN MINH 36	CÁM 5A.1	3 950	2 136	1 814	RỐT DỖ	PTCB	GIA HẠN L1
9		ĐẠM NINH BÌNH	01/10	1287/9	10/10	NB 6685	CÁM 4A.1	1 900	802	1 098	RỐT DỖ		GIA HẠN L1 (HỘ LỚN)
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						33 666		33 666			
1		KDT BẮC THÁI	30/9	1205/8	30/9	NB 8011	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
2		KDT BẮC THÁI	30/9	1206/8	30/9	BN 1363	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
3		DVVT QUẢNG NINH	30/9	1218/09	30/9	BN 1348	CỤC XỎ 1C	990		990		TD	GIA HẠN L1
4		COALIMEX	01/10	1250/9	07/10	BN 0979	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
5		KDT MIỀN BẮC (NGHI THIẾT)	01/10	1292/9	07/10	AN BÌNH 99	CÁM 5A.1	3 400		3 400		PTCB	GIA HẠN L1
6		KDT MIỀN BẮC (KIM THÀNH)	01/10	1290/9	07/10	BN 2633	CÁM 1	1 610		1 610		TD	GIA HẠN L1
7		SÔNG HỒNG	01/10	1236/9	07/10	BN 1858	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L2
8		DT TM DV	03/09	1221/09		BN 1309	CỤC XỎ 1C	1 050		1 050		TD	
9		DVVT QUẢNG NINH	04/09	1226/09	19/09	BN 1809	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
10		DVVT QUẢNG NINH	05/09	1232/09	20/09	BN 1835	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	
11		KDT BẮC THÁI	07/09	1235/09		BN 2508	CÁM 1	900		900		TD	
12		KDT BẮC THÁI	21/09	1260/9	28/09	BN 1468	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
13		SÔNG HỒNG	22/09	1268/9	28/9	BN 1856	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	THAY 1187/8
14		SX&TM THAN UÔNG BÍ	27/9	1275/9	30/9	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
15		KDT BẮC THÁI	27/9	1276/9	30/9	NB 8111	CÁM 1	1 986		1 986		TD	
16		KDT BẮC THÁI	27/9	1277/9	30/9	BN 1459	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	
17		KDT BẮC THÁI	27/9	1278/9	30/9	BN 0988	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	
18		KDT HẢI PHÒNG	30/9	1283/9	30/9	BN 1135	CỤC XỎ 1C	910		910		TD	
19		DVVT QUẢNG NINH	01/10	1293/10	07/10	BN 2668	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	THAY 1217/9
20		DVVT QUẢNG NINH	01/10	1294/10	07/10	BN 2629	CỤC XỎ 1C	1 980		1 980		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 01 THÁNG 10 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
21		THAN MIỀN NAM	01/10	1296/10	07/10	VIỆT THUẬN 095-01	CẨM 5A.1	4 500		4 500		BAUXIT	
22		THAN MIỀN NAM	01/10	1296/10	07/10	VIỆT THUẬN 095-01	CUC 4A.2	4 100		4 100		BAUXIT	
		Tàu chuyển tải						128 400	54 617	73 783			
		Tàu đang làm hàng						102 200	54 617	47 583			
1		DIỆN VĨNH TÂN 1	22/09	1265/9		VIỆT THUẬN 215-02	CẨM 6A.1	21 300	20 305	995	RÓT DỖ	HỘ LỖN	TTHG: 17.000 - KVCP: 4.300
2		DIỆN VĨNH TÂN 2	22/09	1266/9		VIỆT THUẬN 30-06	CẨM 6A.10	29 200	27 312	1 888	RÓT DỖ	HỘ LỖN	KDTC: 9.000 - CLM: 14.000 - KVCP: 6.200
3		DIỆN VĨNH TÂN 2	25/9	1270/9		HẢI NAM 39	CẨM 6A.10	28 550	5 000	23 550	RÓT DỖ	HỘ LỖN	KDTC: 5.000 - CLM: 13.000 - KVCP: 10.550
4		DIỆN VĨNH TÂN 1	26/9	1271-B/9		HẢI NAM 88	CẨM 6A.1	23 150	2 000	21 150	RÓT DỖ	HỘ LỖN	TTHG: 13.000 - KVCP: 10.150
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						26 200		26 200			
1		DIỆN VŨNG ÁNG	30/9	1289/9		TRƯỜNG NGUYỄN SKY	CẨM 5A.14	26 200		26 200		HỘ LỖN	KDTC: 10.000 - CLM: 16.200
II		KHO G9-HÓA CHẤT						49 909	2 584	47 325			
		Tàu đã làm hàng						4 400	2 584	1 816			
1		QUẢNG NINH	30/9	1 216	03/10	BN - 2368	CẨM 8B	1 400	1 375	25	01/10	TD	ĐN - CS
2		MIỀN NAM	01/10	1 106	08/10	HOÀNG ANH 39	CẨM 7A	3 000	1 209	1 791	DỖ	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
		Tàu đã làm lệnh						45 509		45 509			
1		CP ĐTTM&DV	27/9	1 105	30/9	BN - 1135	CUC 1B	910		910		TD	CAO SƠN - THAY TB 1107/8
2		HẢ NAM NINH	27/9	1 111	30/9	NĐ - 3168	CẨM 8A	1 900		1 900		TD	ĐN - CS
3		CP HÀNG HẢI VN	29/9	1 185	30/9	BN - 2158	CẨM 8A	1 538		1 538		TD	ĐN - CS - THAY TB 1158/8
4		CP DVVT QUẢNG NINH	30/9	1 205	30/9	HD - 1188	CUC 1B	1 900		1 900		TD	THÔNG NHẬT
5		COALIMEX	30/9	1 209	30/9	HẢ HẢI 66	CẨM 7C	3 300		3 300		PT CB	ĐN - CS
6		CP DVVT QUẢNG NINH	30/9	1 221	30/9	BN - 1799	CUC 1B	900		900		TD	THÔNG NHẬT - THAY TB 71/8
7		MIỀN NAM	30/9	1 225	30/9	AN THÀNH 18	CẨM 8A	2 400		2 400		TD	ĐN - CS
8		MIỀN TRUNG	30/9	1 229	30/9	PHÚC THỊNH 18	CẨM 7A	1 930		1 930		TD	ĐN - CS
9		NINH BÌNH	30/9	1 230	30/9	TB 1382	CUC 1B	1 000		1 000		TD	CAO SƠN - THAY TB 1093/8
10		HẢ NỘI	30/9	1 235	30/9	BN - 2225	CUC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS - THAY TB 452/9
11		CP ĐTTM&DV	30/9	1 236	30/9	PT - 2698	CUC 1A	1 200		1 200		TD	ĐN - CS - THAY TB 1100/8
12		CP VT THUỶ	30/9	1 238	30/9	HD 1818	CẨM 8A	1 981		1 981		TD	CAO SƠN
13		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DUỖN	30/9	1 239	30/9	NB 8927	CẨM 8A	3 020		3 020		TD	CAO SƠN
14		COALIMEX	30/9	1 241	30/9	KHÁNH MINH 68	CẨM 8A	2 300		2 300		TD	ĐN - CS
15		COALIMEX	30/9	1 242	30/9	BN - 0962	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	CAO SƠN
16		CP HÀNG HẢI VN	30/9	1 243	30/9	HP - 6238	CẨM 7C	1 960		1 960		TD	ĐN - CS
17		COALIMEX	30/9	1 244	30/9	BN - 2212	CẨM 8A	1 921		1 921		TD	ĐN - CS

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 01 THÁNG 10 NĂM 2025

[illegible]

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 02 THÁNG 10 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						362 110	128 521	233 589			
I		<u>CẢNG CHÍNH</u>						<u>70 390</u>	<u>20 770</u>	<u>49 620</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						<i>24 570</i>	<i>20 770</i>	<i>3 800</i>			
1		KDT MIỀN BẮC (NGHI THIẾT)	01/10	1291/9	07/10	TUẤN MINH 36	CẨM 5A.1	3 950	3 880	70	02/10	PTCB	GIA HẠN L1
2		ĐÀM NINH BÌNH	01/10	1287/9	10/10	NB 6685	CẨM 4A.1	1 900	1 837	63	02/10		GIA HẠN L1 (HỘ LỚN) - MÓN: 1.847,20
3		VĨNH THẮNG	01/10	1297/10	07/10	BN 2308	CỤC 5A.1	1 400	1 394	6	02/10	TD	
4		KDT MIỀN BẮC (KIM THÀNH)	01/10	1290/9	07/10	BN 2633	CẨM 1	1 610	1 603	7	02/10	TD	GIA HẠN L1
5		KDT BẮC THÁI	02/10	1299/10	08/10	BN 1808	CẨM 1	1 600	1 555	45	02/10	TD	THAY 1235/9
6		KDT HÀ BẮC	30/9	1286/9	30/9	BN 1962	CẨM 5A.1	1 010	1 000	10	02/10	PTCB	
7		THAN MIỀN NAM	01/10	1296/10	07/10	VIỆT THUẬN 095-01	CẨM 5A.1	4 500	3 263	1 237	RỐT DỖ	BAUXIT	
8		THAN MIỀN NAM	01/10	1296/10	07/10	VIỆT THUẬN 095-01	CỤC 4A.2	4 100	2 642	1 458	RỐT DỖ	BAUXIT	
9		KDT MIỀN BẮC (NGHI THIẾT)	01/10	1292/9	07/10	AN BÌNH 99	CẨM 5A.1	3 400	3 198	202	RỐT DỖ	PTCB	GIA HẠN L1
10		DVVT QUẢNG NINH	01/10	1293/10	07/10	BN 2668	CỤC XÔ 1C	1 100	399	702	RỐT DỖ	TD	THAY 1217/9
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						<i>45 820</i>		<i>45 820</i>			
1		KDT BẮC THÁI	30/9	1205/8	30/9	NB 8011	CẨM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
2		KDT BẮC THÁI	30/9	1206/8	30/9	BN 1363	CẨM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
3		DVVT QUẢNG NINH	30/9	1218/09	30/9	BN 1348	CỤC XÔ 1C	990		990		TD	GIA HẠN L1
4		COALIMEX	01/10	1250/9	07/10	BN 0979	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
5		SÔNG HỒNG	01/10	1236/9	07/10	BN 1858	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L2
6		ĐT TM DV	03/09	1221/09		BN 1309	CỤC XÔ 1C	1 050		1 050		TD	
7		DVVT QUẢNG NINH	04/09	1226/09	19/09	BN 1809	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
8		DVVT QUẢNG NINH	05/09	1232/09	20/09	BN 1835	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
9		KDT BẮC THÁI	21/09	1260/9	28/09	BN 1468	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
10		SÔNG HỒNG	22/09	1268/9	28/9	BN 1856	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	THAY 1187/8
11		SX&TM THAN UỐNG BÍ	27/9	1275/9	30/9	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
12		KDT BẮC THÁI	27/9	1277/9	30/9	BN 1459	CẨM 2A.1	1 000		1 000		TD	
13		KDT BẮC THÁI	27/9	1278/9	30/9	BN 0988	CẨM 4A.1	1 000		1 000		TD	
14		KDT HẢI PHÒNG	30/9	1283/9	30/9	BN 1135	CỤC XÔ 1C	910		910		TD	
15		DVVT QUẢNG NINH	01/10	1294/10	07/10	BN 2629	CỤC XÔ 1C	1 980		1 980		TD	
16		KDT BẮC THÁI	02/10	1298/10	08/10	BN 1866	CẨM 1	1 300		1 300		TD	THAY 1276/9
17		ĐT TM&DV	02/10	1300/10	08/10	BN 1826	CỤC XÔ 1C	1 050		1 050		TD	
18		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	02/10	1301/10		HẢI NAM 79	CẨM 6A.1	27 400		27 400			HỘ LỚN
		<u>Tàu chuyển tải</u>						<u>194 700</u>	<u>77 098</u>	<u>117 602</u>			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 02 THÁNG 10 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		<i>Tàu đang làm hàng</i>						<i>102 200</i>	<i>77 098</i>	<i>25 102</i>			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	22/09	1265/9		VIỆT THUẬN 215-02	CẨM 6A.1	21 300	21 281	19	02/10	HỘ LỒN	TTHG: 16.781,66- KVCP: 4.499,64
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	22/09	1266/9		VIỆT THUẬN 30-06	CẨM 6A.10	29 200	28 960	240	02/10	HỘ LỒN	KDTCP: 8.214,99 - CLM: 13.895,23 - KVCP: 6.850,21
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	25/9	1270/9		HẢI NAM 39	CẨM 6A.10	28 550	14 480	14 070	RÓT DỖ	HỘ LỒN	KDTCP: 5.000 - CLM: 13.000 - KVCP: 10.550
4		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	26/9	1271-B/9		HẢI NAM 88	CẨM 6A.1	23 150	12 376	10 774	RÓT DỖ	HỘ LỒN	TTHG: 13.000 - KVCP: 10.150
		<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>						<i>92 500</i>		<i>92 500</i>			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	30/9	1289/9		TRƯỜNG NGUYỄN SKY	CẨM 5A.14	26 200		26 200		HỘ LỒN	KDTCP: 10.000 - CLM: 16.200
2		ĐIỆN DUYÊN HẢI	02/10	1305/10		QUANG VINH 188	CẨM 5B.14	19 200		19 200		HỘ LỒN	TTHG: 11.200 - KDTCP: 8.000
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	02/10	1307/10		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CẨM 6A.1	23 300		23 300		HỘ LỒN	TTHG: 18.000 - KVCP: 5.300
4		ĐIỆN DUYÊN HẢI	02/10	1308/10		VIỆT THUẬN 26-01	CẨM 6A.14	23 800		23 800		HỘ LỒN	TTCO: 14.800 - TTHG: 9.000
II		<u>KHO G9-HÓA CHẤT</u>						<u>51 059</u>	<u>7 138</u>	<u>43 921</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>8 660</i>	<i>7 138</i>	<i>1 522</i>			
1		MIỀN NAM	01/10	1 106	08/10	HOÀNG ANH 39	CẨM 7A	3 000	2 957	43	02/10	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
2		SÔNG HỒNG	01/10	1 040	08/10	BN - 2625	CẨM 7C	900	898	2	02/10	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
3		MIỀN NAM	01/10	1 214	08/10	HP - 6093	CẨM 7C	2 000	1 991	9	02/10	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
4		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	01/10	1 184	08/10	BN - 1829	CẨM 8A	1 660	933	727	DỖ	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
5		CP HÀNG HẢI VN	01/10	935	08/10	BN - 1816	CỤC 1B	1 100	358	742	DỖ	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<i>42 399</i>		<i>42 399</i>			
1		CP ĐTTM&DV	27/9	1 105	30/9	BN - 1135	CỤC 1B	910		910		TD	CAO SƠN - THAY TB 1107/8
2		HẢI NAM NINH	27/9	1 111	30/9	NĐ - 3168	CẨM 8A	1 900		1 900		TD	ĐN - CS
3		CP HÀNG HẢI VN	29/9	1 185	30/9	BN - 2158	CẨM 8A	1 538		1 538		TD	ĐN - CS - THAY TB 1158/8
4		CP DVVT QUẢNG NINH	30/9	1 205	30/9	HD - 1188	CỤC 1B	1 900		1 900		TD	THÔNG NHẤT
5		COALIMEX	30/9	1 209	30/9	HẢI HẢI 66	CẨM 7C	3 300		3 300		PT CB	ĐN - CS
6		CP DVVT QUẢNG NINH	30/9	1 221	30/9	BN - 1799	CỤC 1B	900		900		TD	THÔNG NHẤT - THAY TB 71/8
7		MIỀN NAM	30/9	1 225	30/9	AN THÀNH 18	CẨM 8A	2 400		2 400		TD	ĐN - CS
8		MIỀN TRUNG	30/9	1 229	30/9	PHÚC THỊNH 18	CẨM 7A	1 930		1 930		TD	ĐN - CS
9		NINH BÌNH	30/9	1 230	30/9	TB 1382	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	CAO SƠN - THAY TB 1093/8
10		CP ĐTTM&DV	30/9	1 236	30/9	PT - 2698	CỤC 1A	1 200		1 200		TD	ĐN - CS - THAY TB 1100/8
11		CP VT THUỶ	30/9	1 238	30/9	HD 1818	CẨM 8A	1 981		1 981		TD	CAO SƠN
12		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	30/9	1 239	30/9	NB 8927	CẨM 8A	3 020		3 020		TD	CAO SƠN
13		COALIMEX	30/9	1 241	30/9	KHÁNH MINH 68	CẨM 8A	2 300		2 300		TD	ĐN - CS
14		CP HÀNG HẢI VN	30/9	1 243	30/9	HP - 6238	CẨM 7C	1 960		1 960		TD	ĐN - CS

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 02 THÁNG 10 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
15		COALIMEX	30/9	1 244	30/9	BN - 2212	CẨM 8A	1 921		1 921		TD	ĐN - CS
16		CP VT&KD THAN	01/10	1 069	08/10	BN - 2005	CẨM 8A	1 542		1 542		TD	ĐN - CS - THAY TB 1204/8
17		CP ĐTTM&DV	01/10	1 222	08/10	BN - 2128	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
18		CP ĐTTM&DV	01/10	1 223	08/10	HD - 2056	CẨM 8A	1 100		1 100		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
19		CẦU ĐUÔNG	01/10	1 226	08/10	BN - 2203	CẨM 8A	1 500		1 500		TD	ĐN - CS
20		COALIMEX	01/10	1 228	08/10	QN - 7596	CẨM 8A	1 700		1 700		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
21		HÀ NỘI	02/10	1235B	03/10	BN - 2225	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS - THAY TB 1235/9
22		COALIMEX	02/10	1 242	09/10	BN - 0962	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	CAO SƠN - GIA HẠN L1
23		SÔNG HỒNG	01/10	25	08/10	BN - 1626	CỤC 1A	917		917		TD	ĐN - CS
24		CP ĐTTM&DV	01/10	45	08/10	THÀNH AN 45	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	THỐNG NHẤT
25		CP ĐTTM&DV	01/10	45	08/10	THÀNH AN 45	CẨM 8A	930		930		TD	ĐN - CS
26		XD CN MỎ	02/10	60	09/10	BN - 1718	CỤC 1B	1 500		1 500		TD	ĐN - CS + CAO SƠN - THAY TB 1191/9
27		CP ĐTTM&DV	02/10	73	09/10	BN - 1468	CẨM 8A	1 050		1 050		TD	ĐN - CS -- THAY TB 1047/9
III	<u>KHO BẢO NGUYỄN</u>							<u>3 592</u>	<u>3 591</u>	<u>1</u>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>							<i>3 592</i>	<i>3 591</i>	<i>1</i>			
1		ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ		141/10		SƠN HẢI 09	CẨM 5A.14	3 592	3 591	1	02/10		
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>												
IV	<u>KHO CẢNG KM6</u>							<u>16 569</u>	<u>8 829</u>	<u>7 740</u>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>							<i>8 899</i>	<i>8 829</i>	<i>70</i>			
1		KDT MIỀN BẮC	30/9	1 227	30/9	BN 2699	Cẩm 5b.1	1 963	1 959	4	02/10	CBPT	
2		KDT MIỀN BẮC	01/10	1 215	16/10	NĐ 4337	Cẩm 5b.1	3 000	2 989	11	02/10	CBPT	GIA HẠN L1
3		DV VT QUẢNG NINH	01/10	23	08/10	BN 2115	Bùn 3c	1 500	1 492	8	02/10	TD	
4		ĐIỆN VĨNH TÂN 1 (HẢI NAM 88)	02/10	146	12/10	SƠN HẢI 08	Cẩm 6a.1	2 436	2 390	46	02/10		T/T SƠN HẢI 07
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>							<i>7 670</i>		<i>7 670</i>			
1		THAN ƯƠNG BÍ	01/10	1 193	08/10	BN 0936	Đon 8a	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
2		DV VT QUẢNG NINH	01/10	24	08/10	BN 2112	Cục 1b	1 150		1 150		TD	
3		VTT VINACOMIN	02/10	59	09/10	BN 1758	Đon 8a	1 020		1 020		TD	
4		CROMIT THANH HÓA	02/10	64	09/10	MINH HĂNG 313	Cẩm 6a.1	3 400		3 400		CBPT	
5		TM DV VINACOMIN	02/10	66	09/10	QN 4438	Cục 1b	1 100		1 100		TD	
V	<u>TÀU XUẤT KHẨU</u>							<u>25 800</u>	<u>11 095</u>	<u>14 705</u>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>							<i>25 800</i>	<i>11 095</i>	<i>14 705</i>			
1		INDONESIA	22/09	38/9/XK		MV. ZHEN JING 32	CỤC 5B.2	25 800	11 095	14 705	RÓT DỖ		KVDB: 25.800

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 02 THÁNG 10 NĂM 2025

[illegible]

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 06 THÁNG 10 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						465 996	171 407	259 399			
I		<u>CẢNG CHÍNH</u>						156 546	35 299	121 247			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						44 448	35 299	9 149			
1		DVVT QUẢNG NINH	01/10	1293/10	07/10	BN 2668	CỤC XỎ 1C	1 100	1 095	5	04/10	TD	THAY 1217/9
2		ĐẠM NINH BÌNH	03/10	1311/10	10/10	BN 8657		4 728	4 641	87	04/10		MỐN:4.641,17
3		CP TTC	03/10	01/10	10/10	HN 2028	CỤC 4A.1	1 120	1 092	28	03/10		
4		ĐẠM HÀ BẮC	03/10	1309/10		QN 4320	CÁM 4A.1	1 700	1 684	16	03/10	HỖ LỚN	MỐN:1.683,84
5		VIỆT THUẬN 095-01	03/10	02/10	10/10	VIỆT THUẬN 095-01	CÁM 5A.1	4 650	4 643	7	03/10		THAY TBGT 1296/10/CO/KVCP-TBGGT
6							CỤC 4A.2	3 950	3 946	5	03/10		
7		KDT MIỀN BẮC (NGHI THIẾT)	01/10	1292/9	07/10	AN BÌNH 99	CÁM 5A.1	3 400	3 398	2	03/10	PTCB	GIA HẠN L1
8		ĐIỆN DUYÊN HẢI	02/10	1308/10		VIỆT THUẬN 26-01	CÁM 6A.14	23 800	14 799	9 001	ĐỖ	HỖ LỚN	TTHG:9.000 - TTCO:14.799,01
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						112 098		112 098			
1		KDT BẮC THÁI	30/9	1205/8	30/9	NB 8011	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
2		KDT BẮC THÁI	30/9	1206/8	30/9	BN 1363	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
3		DVVT QUẢNG NINH	30/9	1218/09	30/9	BN 1348	CỤC XỎ 1C	990		990		TD	GIA HẠN L1
4		COALIMEX	01/10	1250/9	07/10	BN 0979	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
5		SÔNG HỒNG	01/10	1236/9	07/10	BN 1858	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L2
6		ĐT TM DV	03/09	1221/09		BN 1309	CỤC XỎ 1C	1 050		1 050		TD	
7		DVVT QUẢNG NINH	04/09	1226/09	19/09	BN 1809	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
8		DVVT QUẢNG NINH	05/09	1232/09	20/09	BN 1835	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	
9		KDT BẮC THÁI	21/09	1260/9	28/09	BN 1468	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
10		SÔNG HỒNG	22/09	1268/9	28/9	BN 1856	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	THAY 1187/8
11		SX&TM THAN UÔNG BÍ	27/9	1275/9	30/9	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
12		KDT BẮC THÁI	27/9	1277/9	30/9	BN 1459	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	
13		KDT BẮC THÁI	27/9	1278/9	30/9	BN 0988	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	
14		KDT HẢI PHÒNG	30/9	1283/9	30/9	BN 1135	CỤC XỎ 1C	910		910		TD	
15		DVVT QUẢNG NINH	01/10	1294/10	07/10	BN 2629	CỤC XỎ 1C	1 980		1 980		TD	
16		KDT BẮC THÁI	02/10	1298/10	08/10	BN 1866	CÁM 1	1 300		1 300		TD	THAY 1276/9
17		ĐT TM&DV	02/10	1300/10	08/10	BN 1826	CỤC XỎ 1C	1 050		1 050		TD	
18		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	02/10	1301/10		HẢI NAM 79	CÁM 6A.1	27 400		27 400		HỖ LỚN	
19		ĐIỆN DUYÊN HẢI	02/10	1303/10		PHÚ QUỐC 126	CÁM 5B.14	5 000		5 000		HỖ LỚN	
20		ĐIỆN DUYÊN HẢI	02/10	1304/10		VIỆT THUẬN 168	CÁM 5B.14	13 000		13 000		HỖ LỚN	
21		ĐIỆN DUYÊN HẢI	02/10	1305/10		QUANG VINH 188	CÁM 5B.14	19 200		19 200		HỖ LỚN	KDTCP:8.000 - TTHG:11.200

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG DKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 06 THÁNG 10 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
22		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	02/10	1307/10		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CẨM 6A.1	23 300		23 300		HỘ LỎN	TTHG:18.000 - KVCP:5.300
23		ĐẠM NINH BÌNH	03/10	1310/10		NB 8567	CẨM 6A.1	4 728		4 728		HỘ LỎN	
24		DT TM DV	04/10	1221/09	11/10	BN 1309	CỤC XỔ 1C	1 050		1 050			GIA HẠN L1
		Tàu chuyển tải						144 200	62 048	82 152			
		Tàu đang làm hàng						77 900	62 048	15 852			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	25/9	1270/9		HẢI NAM 39	CẨM 6A.10	28 550	28 242	308	04/10	HỘ LỎN	KDTC: 5.000 - CLM: 13.000 - KVCP: 10.550
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	26/9	1271-B/9		HẢI NAM 88	CẨM 6A.1	23 150	22 811	339	04/10	HỘ LỎN	TTHG: 13.000 - KVCP: 10.150
3		ĐIỆN VŨNG ÁNG	30/9	1289/9		TRƯỜNG NGUYỄN SKY	CẨM 5A.14	26 200	10 995	15 205	DỠ	HỘ LỎN	KDTC: 10.000 - CLM: 16.200
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						66 300		66 300			
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI	02/10	1305/10		QUANG VINH 188	CẨM 5B.14	19 200		19 200		HỘ LỎN	TTHG: 11.200 - KDTC: 8.000
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	02/10	1307/10		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CẨM 6A.1	23 300		23 300		HỘ LỎN	TTHG: 18.000 - KVCP: 5.300
3		ĐIỆN DUYÊN HẢI	02/10	1308/10		VIỆT THUẬN 26-01	CẨM 6A.14	23 800		23 800		HỘ LỎN	TTCO: 14.800 - TTHG: 9.000
II		KHO G9-HÓA CHẤT						62 345	18 931	43 414			
		Tàu đã làm hàng						19 176	18 931	245			
1		CP HÀNG HẢI VN	01/10	935	08/10	BN - 1816	CỤC 1B	1 100	1 074	26	03/10	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
2		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	01/10	1 184	08/10	BN - 1829	CẨM 8A	1 660	1 619	41	03/10	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
3		CP ĐTTM&DV	01/10	1 223	08/10	HD - 2056	CẨM 8A	1 100	1 089	11	03/10	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
4		COALIMEX	01/10	1 228	08/10	QN - 7596	CẨM 8A	1 700	1 638	62	03/10	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
5		CP ĐTTM&DV	03/10	96	10/10	BN - 2556	CẨM 7C	1 650	1 648	2	04/10	TD	ĐN - CS
6		MIỀN TRUNG	03/10	1 229	10/10	PHÚC THỊNH 18	CẨM 7A	1 930	1 899	31	04/10	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
7		CP ĐTTM&DV	03/10	97	10/10	BN - 2616	CẨM 7C	1 650	1 640	10	04/10	TD	ĐN - CS
8		CP ĐTTM&DV	03/10	95	10/10	HD - 2095	CẨM 7A	1 988	1 967	21	04/10	TD	ĐN - CS
9		CP ĐTTM&DV	02/10	73	09/10	BN - 1468	CẨM 8A	1 050	1 036	14	04/10	TD	ĐN - CS -- THAY TB 1047/9
10		COALIMEX	03/10	122	10/10	BN - 1804	CẨM 7C	885	880	5	04/10	TD	
11		COALIMEX	03/10	112	10/10	BN - 2112	CẨM 8A	1 921	1 918	3	05/10	TD	ĐN - CS - THAY TB 1244/9
12		CP VT&KD THAN	03/10	113	10/10	BN - 2388	CẨM 8A	1 542	1 527	15	05/10	TD	ĐN - CS -THAY TB 1069/9
13		HẢ NỘI	02/10	1235B	03/10	BN - 2225	CỤC 1A	1 000	995	5	05/10	TD	ĐN - CS - THAY TB 1235/9
		Tàu đã làm lệnh						43 169		43 169			
1		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	31/8	1 210	31/8	NB - 8652	CẨM 8A	4 578		4 578		TD	ĐN - CS
2		CP VT&KD THAN	01/10	1 069	08/10	BN - 2005	CẨM 8A	1 542		1 542		TD	ĐN - CS - THAY TB 1204/8
3		CP ĐTTM&DV	27/9	1 105	30/9	BN - 1135	CỤC 1B	910		910		TD	CAO SƠN - THAY TB 1107/8
4		HẢ NAM NINH	27/9	1 111	30/9	NĐ - 3168	CẨM 8A	1 900		1 900		TD	ĐN - CS

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 06 THÁNG 10 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
5		CP HÀNG HẢI VN	29/9	1 185	30/9	BN - 2158	CẨM 8A	1 538		1 538		TD	ĐN - CS - THAY TB 1158/8
6		CP ĐVVT QUẢNG NINH	30/9	1 205	30/9	HD - 1188	CỤC 1B	1 900		1 900		TD	THÔNG NHẤT
7		COALIMEX	30/9	1 209	30/9	HÀ HẢI 66	CẨM 7C	3 300		3 300		PT CB	ĐN - CS
8		CP ĐVVT QUẢNG NINH	30/9	1 221	30/9	BN - 1799	CỤC 1B	900		900		TD	THÔNG NHẤT - THAY TB 71/8
9		CP ĐTTM&DV	01/10	1 222	08/10	BN - 2128	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
10		MIỀN NAM	30/9	1 225	30/9	AN THÀNH 18	CẨM 8A	2 400		2 400		TD	ĐN - CS
11		CÁU ĐUÔNG	01/10	1 226	08/10	BN - 2203	CẨM 8A	1 500		1 500		TD	ĐN - CS
12		NINH BÌNH	30/9	1 230	30/9	TB 1382	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	CAO SƠN - THAY TB 1093/8
13		CP ĐTTM&DV	30/9	1 236	30/9	PT - 2698	CỤC 1A	1 200		1 200		TD	ĐN - CS - THAY TB 1100/8
14		CP VT THUỶ	30/9	1 238	30/9	HD 1818	CẨM 8A	1 981		1 981		TD	CAO SƠN
15		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	30/9	1 239	30/9	NB 8927	CẨM 8A	3 020		3 020		TD	CAO SƠN
16		COALIMEX	30/9	1 241	30/9	KHÁNH MINH 68	CẨM 8A	2 300		2 300		TD	ĐN - CS
17		COALIMEX	02/10	1 242	09/10	BN - 0962	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	CAO SƠN - GIA HẠN L1
18		CP HÀNG HẢI VN	30/9	1 243	30/9	HP - 6238	CẨM 7C	1 960		1 960		TD	ĐN - CS
19		SÔNG HỒNG	01/10	25	08/10	BN - 1626	CỤC 1A	917		917		TD	ĐN - CS
20		CP ĐTTM&DV	01/10	45	08/10	THÀNH AN 45	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	THÔNG NHẤT
21		CP ĐTTM&DV	01/10	45	08/10	THÀNH AN 45	CẨM 8A	930		930		TD	ĐN - CS
22		XD CN MỎ	02/10	60	09/10	BN - 1718	CỤC 1B	1 500		1 500		TD	ĐN - CS + CAO SƠN - THAY TB 1191/9
23		CP VT&KD THAN	03/11	114	10/11	BN - 2389	CẨM 8A	1 543		1 543		TD	ĐN - CS -THAY TB 1069/10
24		CP SX TM THAN UÔNG BÍ	03/10	123	10/10	BN - 2618	CẨM 7C	1 100		1 100		TD	ĐN - CS
25		CP HÀNG HẢI VN	04/10	155	11/10	BN - 0962	CỤC 1B	1 150		1 150		TD	ĐN - CS
26		CP ĐTTM&DV	05/10	168	12/10	BN - 0869	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	ĐN - CS - THAY TB 159/10
III		KHO BẢO NGUYỄN						<u>6 725</u>	<u>6 645</u>	<u>80</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>6 725</i>	<i>6 645</i>	<i>80</i>			
1		DIỆN LỰC DẦU KHÍ		143/10		HD 3158	CẨM 5A.14	3 075	3 072	3	03/10		
2		DIỆN LỰC DẦU KHÍ		148/10		SƠN HẢI 10	CẨM 5A.14	3 650	3 573	77	04/10		
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
IV		KHO CẢNG KM6						<u>35 190</u>	<u>29 564</u>	<u>5 626</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>30 540</i>	<i>29 564</i>	<i>976</i>			
1		CROMIT THANH HÓA	02/10	64	09/10	MINH HẰNG 313	Cẩm 6a.1	3 400	3 394	6	03/10	CBPT	
2		KDT MIỀN BẮC	03/10	93	10/10	TB 1619	Cẩm 5a.1	2 600	2 596	4	03/10	CBPT	
3		DV VT QUẢNG NINH	01/10	24	08/10	BN 2112	Cục 1b	1 150	1 141	9	03/10	TD	

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 06 THÁNG 10 NĂM 2025

[illegible]

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 07 THÁNG 10 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						288 498	44 714	239 134			
I		<u>CẢNG CHÍNH</u>						112 098	-	112 098			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>											
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						112 098		112 098			
1		KDT BẮC THÁI	30/9	1205/8	30/9	NB 8011	CẨM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
2		KDT BẮC THÁI	30/9	1206/8	30/9	BN 1363	CẨM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
3		DVVT QUẢNG NINH	30/9	1218/09	30/9	BN 1348	CỤC XÔ 1C	990		990		TD	GIA HẠN L1
4		COALIMEX	01/10	1250/9	07/10	BN 0979	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
5		SÔNG HỒNG	01/10	1236/9	07/10	BN 1858	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L2
6		ĐT TM DV	03/09	1221/09		BN 1309	CỤC XÔ 1C	1 050		1 050		TD	
7		DVVT QUẢNG NINH	04/09	1226/09	19/09	BN 1809	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
8		DVVT QUẢNG NINH	05/09	1232/09	20/09	BN 1835	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
9		KDT BẮC THÁI	21/09	1260/9	28/09	BN 1468	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
10		SÔNG HỒNG	22/09	1268/9	28/9	BN 1856	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	THAY 1187/8
11		SX&TM THAN UÔNG BÍ	27/9	1275/9	30/9	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
12		KDT BẮC THÁI	27/9	1277/9	30/9	BN 1459	CẨM 2A.1	1 000		1 000		TD	
13		KDT BẮC THÁI	27/9	1278/9	30/9	BN 0988	CẨM 4A.1	1 000		1 000		TD	
14		KDT HẢI PHÒNG	30/9	1283/9	30/9	BN 1135	CỤC XÔ 1C	910		910		TD	
15		DVVT QUẢNG NINH	01/10	1294/10	07/10	BN 2629	CỤC XÔ 1C	1 980		1 980		TD	
16		KDT BẮC THÁI	02/10	1298/10	08/10	BN 1866	CẨM 1	1 300		1 300		TD	THAY 1276/9
17		ĐT TM&DV	02/10	1300/10	08/10	BN 1826	CỤC XÔ 1C	1 050		1 050		TD	
18		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	02/10	1301/10		HẢI NAM 79	CẨM 6A.1	27 400		27 400		HỘ LỚN	
19		ĐIỆN DUYÊN HẢI	02/10	1303/10		PHÚ QUỐC 126	CẨM 5B.14	5 000		5 000		HỘ LỚN	
20		ĐIỆN DUYÊN HẢI	02/10	1304/10		VIỆT THUẬN 168	CẨM 5B.14	13 000		13 000		HỘ LỚN	
21		ĐIỆN DUYÊN HẢI	02/10	1305/10		QUANG VINH 188	CẨM 5B.14	19 200		19 200		HỘ LỚN	KDTC:3.000 - TTHG:11.200
22		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	02/10	1307/10		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CẨM 6A.1	23 300		23 300		HỘ LỚN	TTHG:18.000 - KVCP:5.300
23		ĐẠM NINH BÌNH	03/10	1310/10		NB 8567	CẨM 6A.1	4 728		4 728		HỘ LON	
24		ĐT TM DV	04/10	1221/09	11/10	BN 1309	CỤC XÔ 1C	1 050		1 050			GIA HẠN L1
		<u>Tàu chuyển tải</u>						116 300	25 794	90 506			
		<i>Tàu đang làm hàng</i>						50 000	25 794	24 206			
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI	02/10	1308/10		VIỆT THUẬN 26-01	CẨM 6A.14	23 800	14 799	9 001	ĐỖ	HỘ LỚN	TTHG:9.000 - TTCO:14.799,01
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	30/9	1289/9		TRƯỜNG NGUYỄN SKY	CẨM 5A.14	26 200	10 995	15 205	ĐỖ	HỘ LỚN	KDTC: 10.000 - CLM: 16.200
		<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>						66 300		66 300			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 07 THÁNG 10 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI	02/10	1305/10		QUANG VINH 188	CẨM 5B.14	19 200		19 200		HỘ LỚN	TTHG: 11.200 - KDTCP: 8.000
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	02/10	1307/10		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CẨM 6A.1	23 300		23 300		HỘ LỚN	TTHG: 18.000 - KVCP: 5.300
3		ĐIỆN DUYÊN HẢI	02/10	1308/10		VIỆT THUẬN 26-01	CẨM 6A.14	23 800		23 800		HỘ LỚN	TTCO: 14.800 - TTHG: 9.000
II		KHO G9-HÓA CHẤT											
		<i>Tàu đã làm hàng</i>											
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						43 169		43 169			
1		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	31/8	1 210	31/8	NB - 8652	CẨM 8A	4 578		4 578		TD	ĐN - CS
2		CP VT&KD THAN	01/10	1 069	08/10	BN - 2005	CẨM 8A	1 542		1 542		TD	ĐN - CS - THAY TB 1204/8
3		CP ĐTTM&DV	27/9	1 105	30/9	BN - 1135	CỤC 1B	910		910		TD	CAO SƠN - THAY TB 1107/8
4		HẢI NAM NINH	27/9	1 111	30/9	NĐ - 3168	CẨM 8A	1 900		1 900		TD	ĐN - CS
5		CP HÀNG HẢI VN	29/9	1 185	30/9	BN - 2158	CẨM 8A	1 538		1 538		TD	ĐN - CS - THAY TB 1158/8
6		CP DVVT QUẢNG NINH	30/9	1 205	30/9	HD - 1188	CỤC 1B	1 900		1 900		TD	THÔNG NHẤT
7		COALIMEX	30/9	1 209	30/9	HẢI HẢI 66	CẨM 7C	3 300		3 300		PT CB	ĐN - CS
8		CP DVVT QUẢNG NINH	30/9	1 221	30/9	BN - 1799	CỤC 1B	900		900		TD	THÔNG NHẤT - THAY TB 71/8
9		CP ĐTTM&DV	01/10	1 222	08/10	BN - 2128	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
10		MIỀN NAM	30/9	1 225	30/9	AN THÀNH 18	CẨM 8A	2 400		2 400		TD	ĐN - CS
11		CẦU ĐƯỜNG	01/10	1 226	08/10	BN - 2203	CẨM 8A	1 500		1 500		TD	ĐN - CS
12		NINH BÌNH	30/9	1 230	30/9	TB 1382	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	CAO SƠN - THAY TB 1093/8
13		CP ĐTTM&DV	30/9	1 236	30/9	PT - 2698	CỤC 1A	1 200		1 200		TD	ĐN - CS - THAY TB 1100/8
14		CP VT THUỶ	30/9	1 238	30/9	HD 1818	CẨM 8A	1 981		1 981		TD	CAO SƠN
15		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	30/9	1 239	30/9	NB 8927	CẨM 8A	3 020		3 020		TD	CAO SƠN
16		COALIMEX	30/9	1 241	30/9	KHÁNH MINH 68	CẨM 8A	2 300		2 300		TD	ĐN - CS
17		COALIMEX	02/10	1 242	09/10	BN - 0962	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	CAO SƠN - GIA HẠN L1
18		CP HÀNG HẢI VN	30/9	1 243	30/9	HP - 6238	CẨM 7C	1 960		1 960		TD	ĐN - CS
19		SÔNG HỒNG	01/10	25	08/10	BN - 1626	CỤC 1A	917		917		TD	ĐN - CS
20		CP ĐTTM&DV	01/10	45	08/10	THÀNH AN 45	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	THÔNG NHẤT
21		CP ĐTTM&DV	01/10	45	08/10	THÀNH AN 45	CẨM 8A	930		930		TD	ĐN - CS
22		XD CN MỎ	02/10	60	09/10	BN - 1718	CỤC 1B	1 500		1 500		TD	ĐN - CS + CAO SƠN - THAY TB 1191/9
23		CP VT&KD THAN	03/11	114	10/11	BN - 2389	CẨM 8A	1 543		1 543		TD	ĐN - CS - THAY TB 1069/10
24		CP SX TM THAN ƯƠNG BỈ	03/10	123	10/10	BN - 2618	CẨM 7C	1 100		1 100		TD	ĐN - CS
25		CP HÀNG HẢI VN	04/10	155	11/10	BN - 0962	CỤC 1B	1 150		1 150		TD	ĐN - CS
26		CP ĐTTM&DV	05/10	168	12/10	BN - 0869	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	ĐN - CS - THAY TB 159/10

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 07 THÁNG 10 NĂM 2025

[illegible]

